

PHÁT TRIỂN DU LỊCH VEN BIỂN TỈNH BẾN TRE DỰA TRÊN MÔ HÌNH KINH TẾ XANH

Lê Văn Tấn^{*1} và Chung Lê Khang²

¹*Khoa Việt Nam học, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Việt Nam*

²*Bộ môn Việt Nam học, Khoa Ngữ Văn, Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh*

Tóm tắt. Trong bài viết này, nhóm tác giả dựa trên lý thuyết về mô hình Kinh tế Xanh để phân tích khái quát về nguồn lực, thực trạng phát triển du lịch ven biển tỉnh Bến Tre. Những điểm mạnh có thể kể đến như khí hậu, địa hình, hệ sinh thái ngập mặn. Bên cạnh đó cũng có những hạn chế về chất lượng bãi biển, nguồn nước ngầm. Từ đó tác giả đưa ra định hướng xây dựng các sản phẩm du lịch ven biển theo 03 nhóm: Du lịch sinh thái ven biển; du lịch tham quan nghiên cứu văn hóa biển và các di tích văn hóa - lịch sử gắn với biển; du lịch vui chơi - giải trí biển phù hợp với xu hướng Xanh của thế giới.

Từ khóa: du lịch ven biển, Kinh tế Xanh, Bến Tre.

1. Mở đầu

Kinh tế Xanh là loại hình kinh tế đang được nhiều nước trên thế giới chọn làm xu hướng phát triển. Tác phẩm *Chính sách kinh tế biển sử dụng mô hình Kinh tế Xanh* của tác giả Sharif C. Sutardjo và cộng sự đã chỉ ra những lợi ích mà mô hình Kinh tế Xanh mang lại như ít tổn hại môi trường, hệ thống sản xuất hiệu quả hơn và sạch hơn, tạo ra các sản phẩm có giá trị kinh tế cao hơn, đóng góp một cách công bằng hơn. Kinh tế Xanh giúp phát triển kinh tế gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, cân bằng sinh thái và đảm bảo sức khỏe môi trường. Kinh tế Xanh có thể được áp dụng để hỗ trợ phát triển bền vững nền kinh tế trong đó có du lịch ven biển [1].

Đã có rất nhiều bài nghiên cứu về phát triển du lịch ven biển dựa vào Kinh tế Xanh trên thế giới như *Kinh tế Xanh như một định hướng phát triển bền vững các vùng ven* của nhóm tác giả Evgeniya Arumova, Elena Belyaeva, Maria Bitarova, Veronkia Panaseykina. Bài báo trình bày các mục tiêu và nguyên tắc của chính sách Kinh tế Xanh ở các vùng lãnh thổ ven biển, các cơ chế đổi mới của phát triển bền vững tại các vùng lãnh thổ ven biển [2]. Trong bài báo *Du lịch biển và ven biển: Một yếu tố thách thức trong quy hoạch không gian biển* tác giả Marilena Papageorgiou cho rằng du lịch ven biển thường gây tranh cãi về tác động môi trường do các hoạt động khác của con người [3]. Những nghiên cứu trên mang nặng tính lý thuyết và các tác giả thường chọn lựa những địa điểm du lịch có cảnh quan ven biển hấp dẫn để phân tích.

Nghiên cứu về vấn đề Kinh tế Xanh tại Việt Nam có một số bài báo như *Kinh tế Xanh và thực tiễn tại Việt Nam* của nhóm tác giả Nguyễn Thị Quỳnh Hương, Nguyễn Thị Vân Chi [4], Luận án tiến sĩ *Phát triển Kinh tế Xanh của Hàn Quốc và bài học cho Việt Nam* của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà [5] hay chuyên đề *Kinh nghiệm phát triển Kinh tế Xanh của Trung Quốc và bài học cho Việt Nam* của tác giả Đặng Thị Bông [6]. Nhìn chung, hầu hết các nghiên cứu về

Ngày nhận bài: 24/4/2021. Ngày sửa bài: 1/5/2021. Ngày nhận đăng: 8/5/2021.

Tác giả liên hệ: Lê Văn Tấn. Địa chỉ e-mail: tanlv0105@gmail.com

Kinh tế Xanh tại Việt Nam đều nhận định: “phát triển Kinh tế Xanh là xu hướng tất yếu đang được các quốc gia trên thế giới quan tâm, hướng tới nhằm bảo vệ môi trường sống trong sạch, bền vững”. Hướng nghiên cứu tập trung vào những thành tựu và bài học kinh nghiệm của các nước và vận dụng vào thực tiễn tại Việt Nam.

Hiện nay, chưa có công trình nghiên cứu nào về mô hình Kinh tế Xanh tại Việt Nam gắn với hoạt động du lịch ven biển đặc biệt là tại vùng ven biển cửa sông. Vùng ven biển Bến Tre là vùng cửa sông có những hạn chế như nhiều phù sa, nước biển đục, cảnh quan thiên nhiên không đa dạng. Nơi đây không thể phát triển loại hình du lịch ven biển chất lượng cao như: nghỉ dưỡng, thể thao biển,... Vùng ven biển này có loại hình sinh thái đặc trưng, đa dạng từ các cánh rừng ngập mặn cho đến các bãi ngao, sò. Đây là một thế mạnh có thể khai thác du lịch sinh thái biển. Hướng phát triển này phù hợp với định hướng phát triển của nền Kinh tế Xanh.

Du lịch ven biển tỉnh Bến Tre cần phát triển dựa vào những lợi thế riêng về môi trường tự nhiên, tạo ra những sản phẩm du lịch thân thiện với môi trường, giúp nâng cao ý thức phát triển bền vững như: du lịch sinh thái rừng ngập mặn ven biển, du lịch sinh thái văn hóa ven biển, du lịch chuyên đề biển, du lịch nghiên cứu biển... phù hợp với xu hướng phát triển của nền Kinh tế Xanh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về du lịch ven biển và nền Kinh tế Xanh

2.1.1. Du lịch ven biển

Du lịch ven biển, là một loại hình du lịch trong đó yếu tố nước / biển là chủ đạo được coi là tài sản và lợi thế chính. Đối với du lịch ven biển, tất cả các cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất liên quan (khách sạn, khu nghỉ dưỡng, căn hộ, v.v.) cũng chỉ được tìm thấy trên đất liền và thường được xây dựng gần bờ biển hơn. Du lịch ven biển thường thu hút khách du lịch bởi cảnh quan thiên nhiên ven biển, nơi có các cửa sông, đất ngập nước, rạn san hô và các thành phần quý hiếm khác của hệ sinh thái tự nhiên [1].

Hầu hết các hoạt động du lịch ven biển bao gồm phát triển và xây dựng các khu nghỉ dưỡng ven biển có khả năng gây thiệt hại cho môi trường ven biển. Nhà ở, khu nghỉ dưỡng, khách sạn và các cơ sở hạ tầng cứng khác góp phần làm thay đổi đường bờ, ô nhiễm nguồn nước, suy giảm lưu lượng nước ngọt dẫn đến xâm nhập nước biển và chất thải rắn. Trong vài thập kỷ qua, xu hướng xây dựng các cơ sở du lịch và cơ sở hạ tầng mới ở các vùng ven biển vẫn đang tăng lên. Các hoạt động du lịch ở vùng biển như lặn biển, lặn với ống thở, bơi lội và các hoạt động du lịch dưới nước khác, gây ra mối đe dọa cho hệ sinh thái rạn san hô và làm giảm độ che phủ của san hô sống, dẫn đến suy giảm chức năng của nó. Chức năng vật lý của rạn san hô là như một bộ phận điều tiết sóng trong khi chức năng sinh thái là cung cấp các dịch vụ môi trường cho các hệ sinh thái khác.

Du lịch biển nói chung và ven biển nói riêng là hoạt động kinh tế quan trọng nhất và phát triển nhanh nhất ở biển. Tuy nhiên, du lịch cũng là một trong những ngành tác động mạnh gây ra sự suy giảm môi trường do xây dựng các công trình cơ sở dịch vụ và các hoạt động du lịch. Các hoạt động của con người mang lại những tác động đến chất lượng và số lượng tài nguyên thiên nhiên, chẳng hạn như: thành lập các khách sạn và khu nghỉ dưỡng, xây dựng cảng và sử dụng tàu thuyền, đi dạo trên rạn san hô, lặn với ống thở và lặn, câu cá, ô nhiễm và bồi lắng trên đất liền [7].

2.1.2. Kinh tế Xanh

Từ những năm 1990, vấn đề phát triển bền vững được định nghĩa là một quá trình phát triển nhằm tối ưu hóa các lợi ích của tài nguyên thiên nhiên, văn hóa và con người, đó là “Sự phát triển có thể đáp ứng được nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả

năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai” [8]. Kinh tế Xanh có thể là một khuôn khổ trong phát triển bền vững. Kinh tế Xanh là một mô hình phát triển kinh tế dựa trên các nguyên tắc của hệ sinh thái.

Kinh tế Xanh tạo cơ hội để phát triển các hoạt động đầu tư và kinh doanh lành mạnh hơn về mặt kinh tế và môi trường, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả hơn và ít tổn hại môi trường hơn hệ thống sản xuất hiệu quả hơn và sạch hơn, tạo ra các sản phẩm có giá trị kinh tế cao hơn, tăng khả năng hấp thụ lao động và tạo cơ hội để mang lại lợi ích cho mỗi người đóng góp một cách công bằng hơn [1].

Nền Kinh tế Xanh được phát triển để giải quyết thách thức của hệ thống kinh tế thế giới, có xu hướng bóc lột và hủy hoại môi trường. Cho đến nay, các nguyên tắc về hiệu quả tài nguyên, các-bon thấp, hòa nhập xã hội đã được áp dụng, nhưng vẫn chưa hiệu quả, con người ngày càng khai thác nhiều hơn các nguồn tài nguyên thiên nhiên để phục vụ mục tiêu kinh tế, thỏa mãn nhu cầu của thế hệ hiện tại.

Các biện pháp điều chỉnh nhằm phát triển nền Kinh tế Xanh: Sử dụng nguồn lực tài nguyên một cách bền vững, tiết kiệm tiêu thụ và giảm chất thải ra môi trường, duy trì tính đa dạng sinh học của hệ sinh thái, hỗ trợ kinh tế địa phương và đẩy mạnh nghiên cứu phát triển nền Kinh tế Xanh. Nền Kinh tế Xanh cuối cùng sẽ đảm bảo rằng sự phát triển sẽ không chỉ tạo ra tăng trưởng kinh tế mà còn đảm bảo tính bền vững về sinh thái và xã hội [1]. Nói chung, Kinh tế Xanh có thể được hiểu là như một mô hình kinh tế khuyến khích phát triển bền vững với tư duy như hoạt động của các hệ sinh thái.

2.2. Khái quát về nguồn lực phát triển du lịch ven biển tỉnh Bến Tre

2.2.1. Vị trí địa lý Bến Tre và vùng ven biển tỉnh Bến Tre

Bến Tre là một tỉnh thuộc Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích tự nhiên là: 2.360,2 km², được hình thành bởi cù lao An Hoá, cù lao Bảo, cù lao Minh và do phù sa của 4 nhánh sông Cửu Long bồi tụ mà thành (gồm sông Tiền (sông Mỹ Tho), sông Ba Lai, sông Hàm Luông, sông Cổ Chiên). Bến Tre tiếp giáp với biển Đông, có bờ biển dài 65 km.

Ba huyện giáp biển của tỉnh Bến Tre gồm Ba Tri, Bình Đại, Thạnh Phú.

+ Huyện Ba Tri nằm ở phía cuối cù lao Bảo, có vị trí địa lý: Phía đông bắc giáp huyện Bình Đại với ranh giới tự nhiên là sông Ba Lai, phía tây bắc giáp huyện Giồng Trôm, phía tây nam giáp huyện Thạnh Phú, ranh giới tự nhiên là sông Hàm Luông, phía đông nam giáp với Biển Đông với chiều dài bờ biển gần 10 km.

+ Huyện Bình Đại nằm trên cù lao An Hoá, so với các huyện khác ở tỉnh Bến Tre thì Bình Đại có phần cô lập, nằm lẻ loi trên một dãy cù lao, có vị trí địa lý: Phía Tây Bắc giáp huyện Châu Thành, phía Đông Bắc giáp sông Mỹ Tho, ngăn cách với các huyện Chợ Gạo, Tân Phú Đông, Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, phía Tây Nam giáp sông Ba Lai, ngăn cách với các huyện Giồng Trôm, Ba Tri, phía Đông Nam giáp Biển Đông với chiều dài bờ biển khoảng 30 km.

+ Huyện Thạnh Phú nằm ở phía nam tỉnh Bến Tre, cuối cù lao Minh, có vị trí địa lý: Phía tây giáp huyện Mỏ Cày Nam, phía đông bắc giáp các huyện Giồng Trôm và Ba Tri với ranh giới tự nhiên là sông Hàm Luông, phía tây nam giáp tỉnh Trà Vinh với ranh giới tự nhiên là sông Cổ Chiên, phía đông nam giáp Biển Đông với chiều dài bờ biển khoảng 25 km.

Vùng ven biển Bến Tre có sự liên kết chặt chẽ với vùng biển của Tp.HCM, Tiền Giang và Trà Vinh. Tàu thuyền qua lại với mật độ cao, thuận lợi cho việc phát triển kinh tế của vùng.

2.2.2 Địa hình

Bến Tre là một tỉnh châu thổ nằm sát biển, có địa hình tương đối bằng phẳng, độ cao trung bình từ 1m đến 2m. Bốn nhánh sông: Sông Mỹ Tho, sông Ba Lai, sông Hàm Luông, sông Cổ Chiên chia đất Bến Tre lần lượt thành 3 dãy cù lao đổ ra biển tạo thành đường bờ biển dài với

hàm lượng phù sa lớn trong nước biển, phù sa giúp phát triển các dãy cồn cát và rừng ngập mặn khu vực ven biển tỉnh Bến Tre.

Trong những năm vừa qua, địa hình khu vực ven biển tỉnh Bến Tre bị ảnh hưởng nặng nề bởi hiện tượng sạt lở. Hiện nay, đường bờ biển Bến Tre hiện có 8 điểm sạt lở, trên tổng chiều dài 19km bờ biển. Sạt lở lấn sâu vào trong đất liền trung bình hàng năm khoảng 10-15 m, làm mất trên 120ha đất và 54ha rừng phòng hộ ven biển. Hiện tỉnh Bến Tre đã kiến nghị Trung ương xem xét hỗ trợ kinh phí khoảng 325 tỉ đồng để đầu tư xây dựng giải pháp chống sạt lở, xâm thực các khu vực nghiêm trọng cần xử lý cấp bách nhất hiện nay như: khu vực Cồn Lợi, huyện Thạnh Phú; Cồn Nhân, huyện Ba Tri; khu vực xã Thừa Đức, huyện Bình Đại...

Nhìn chung địa hình ven biển tỉnh Bến Tre tạo nên sự khác biệt bởi các cồn cát tại khu vực cửa sông ven biển, tạo nên các hệ sinh thái đặc trưng giúp hình thành sự đa dạng các loại hình du lịch. Chính vì thế việc thực hiện các biện pháp cấp bách nhằm bảo vệ đường bờ biển và hệ sinh thái ven biển là việc làm hết sức cần thiết nhằm bảo vệ không gian sinh sống của người dân, cũng chính là bảo vệ nguồn tài nguyên du lịch hấp dẫn.

2.2.3. Khí hậu

Vùng ven biển tỉnh Bến Tre thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa khá ôn hòa. Các đặc trưng của khí hậu như sau:

a. Nhiệt độ

Nhiệt độ cao và ổn định, bình quân 27,3°C. Nhiệt độ cực đại trung bình của không khí tháng cao nhất 29,2°C (tháng 5) và thấp nhất 25,1°C (tháng 12). Tổng tích nhiệt bình quân hàng năm cả tỉnh là 9.904°C.

b. Lượng mưa

Lượng mưa và phân bố mưa theo mùa rõ rệt: Lượng mưa trung bình năm khoảng 1450-1500mm, tháng nhiều nhất là 385,8mm (tháng 10), tháng ít mưa nhất là 10,8mm (tháng 1), có hai tháng không mưa là tháng 2 và 3. Mưa phân bố không đều, tạo thành 2 mùa mưa và khô rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 4- tháng 11, mùa khô gồm các tháng còn lại.

c. Độ ẩm

Độ ẩm không khí bình quân khoảng 83,83%, thấp nhất là tháng 1,2,3 và 4 khoảng 79- 83%, cao nhất khoảng 90% thuộc tháng 10.

d. Gió

Hướng gió thịnh hành ở Bến Tre là Đông Nam và Tây, Tây Nam. Gió Đông Nam còn được gọi là “Gió Chướng” thường thấy vào mùa khô và mạnh nhất vào tháng 2,3 với tần suất gió thường lên đến 27-35%, gió Chướng thường đẩy nước mặn và sâu trong nội địa. Gió Tây hay Tây Nam xuất hiện vào mùa mưa và mạnh nhất vào các tháng 6,7,8, với tần suất gió trong tháng dao động từ 28-35%. Ít bị ảnh hưởng bởi giông bão.

Khí hậu ôn hòa nên con người dễ thích nghi, ít bị ảnh hưởng bởi các hiện tượng thời tiết thất thường đặc biệt là bão thuận lợi cho sự phát triển du lịch ven biển, có thể khai thác du lịch quanh năm.

2.2.4. Sinh vật

a. Rừng ngập mặn

Bến Tre có diện tích rừng ngập mặn là 3.900 ha, trong đó rừng ngập mặn tự nhiên 1.000 ha, rừng trồng 2.900 ha gồm các loại cây chủ yếu như đước, chà là, bần, mắm, phi lao... được phân bố chủ yếu tại các cửa sông ven biển ở 3 huyện Ba Tri, Bình Đại và Thạnh Phú [9]. Tuy diện tích không nhiều nhưng rừng ngập mặn Bến Tre lại có vai trò rất quan trọng trong việc phòng hộ và bảo vệ môi trường. Ngoài ra, đối với ngành du lịch, vành đai rừng ngập mặn của

tỉnh còn đóng vai trò vừa là môi trường sinh sống của các loài thủy sản, vừa là tài nguyên du lịch hấp dẫn.

b. Các loại động vật

Động vật trong rừng ngập mặn cũng đa dạng và phong phú, ở Khu bảo tồn Đất ngập nước Thạnh Phú đã ghi nhận được 8 loài lưỡng cư, 27 loài bò sát, 16 loài thú và 60 loài chim. Hàng chục ngàn cá thể Cò ngành nhỏ, Cò trắng, Cò đen và Diệc xám cũng đã thấy ở các hệ sinh thái rừng ngập mặn. Chúng tập trung chủ yếu ở sân chim Vàm Hồ, xã Tân Mỹ, huyện Ba Tri. Các loài nguy cấp như Rái cá lông mượt *Lutra perspicillata*, rắn hổ mang, Bò nông chân xám *Pelecanus philipensis*, Cò lạo xám *Mycteria cinerea* cũng thấy ở sân chim Vàm Hồ. Những khu bảo tồn trên vừa là nơi sinh sống an toàn cho các loài động vật quý hiếm vừa là điểm thu hút đông đảo du khách đến tham quan tìm hiểu.

Bãi triều cung cấp sinh cảnh ổn định cho các sinh vật nhuyễn thể (ngao, sò, vẹm), động vật không xương sống và rừng ngập mặn. Những cồn cát mịn là sinh cảnh lí tưởng cho nghêu, trong khi đó sò huyết lại thường sống ở bãi bùn. Ở các bãi triều cửa sông ở Bến Tre đã xác định được 120 loài cá. Do là vùng bờ ven biển Bến Tre có rất nhiều phù sa bồi tụ, đất nền thường là sinh lầy, tạo một môi trường sống hoàn hảo cho các loại hải sản như cua biển, còng gió, ốc... Chất lượng các loại tôm, cá, mực cũng được đánh giá cao về chất lượng.

Các sản vật này không chỉ là nguồn cung dồi dào cho thị trường mà còn tạo dấu ấn trong ẩm thực du lịch địa phương.

2.2.5. Nước

Khu vực ven biển thuộc ba huyện Ba Tri, Bình Đại, Thạnh Phú là một trong những khu vực khó khăn về nguồn nước ngọt nhất trên địa bàn của tỉnh Bến Tre.

a) Nước mặt

Khu vực ven biển tỉnh Bến Tre được cung cấp nguồn nước mặt bởi 4 con sông lớn Mỹ Tho, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên trong đó sông Hàm Luông và ba Lai là nguồn cung cấp chính.

+ Sông Hàm Luông: Tổng chiều dài thuộc địa phận tỉnh Bến Tre: 78km, lưu lượng nước bình quân các tháng mùa kiệt: 829m³/s. Đây được xem là nguồn nước mặt quan trọng có thể khai thác phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

+ Sông Ba Lai: Tổng chiều dài 52 km, lưu lượng bình quân mùa kiệt: 59m³/s. Phần đầu nguồn đã bị bồi đắp nên lưu lượng có xu hướng giảm dần. Dự án ngăn mặn sông Ba Lai giúp ngọt hóa cho vùng Bình Đại, Giồng Trôm, Ba Tri.

+ Sông Mỹ Tho chảy suốt theo chiều dọc của tỉnh, dài 90 km, làm thành ranh giới tự nhiên giữa tỉnh Bến Tre và tỉnh Tiền Giang.

+ Sông Cổ Chiên là một phân lưu của sông Tiền, dài khoảng 82 km, làm thành ranh giới tự nhiên giữa các tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh với Bến Tre.

Bốn con sông này đã giữ một vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, văn hoá của nhân dân trong tỉnh: cung cấp nước ngọt cho sinh hoạt và cho nông nghiệp, những thức ăn giàu đạm như tôm, cá, cua, ốc, góp phần làm tươi đẹp cảnh quan, điều hoà khí hậu của một vùng đất cù lao ba bề sông nước. Các con sông có một vị trí quan trọng trong hệ thống giao thông thủy, không chỉ của tỉnh mà cả miền đồng bằng rộng lớn. Từ môi trường thuận lợi này, việc giao lưu văn hoá cũng phát triển mạnh mẽ với các vùng xung quanh.

b) Nước ngầm

Theo chuyên đề nghiên cứu nước ngầm của Chương trình VLE-87/031 trên nền bản đồ địa chất thủy văn tỉ lệ 1/250.000 cho thấy Bến Tre là tỉnh nghèo về tài nguyên nước ngầm nhất ở Đồng bằng Sông Cửu Long.

Theo quan trắc sơ bộ có đến 1/4 lãnh thổ tỉnh Bến Tre gồm các huyện Ba Tri, Bình Đại, Mỏ Cày có nguồn nước ngầm hoàn toàn bị nhiễm mặn. 1/3 lãnh thổ (thuộc các huyện Châu Thành, Mỏ Cày, Ba Tri và Thạnh Phú) nước ngầm chỉ thích hợp canh tác, không sử dụng được cho sinh hoạt vì độ khoáng hóa quá mức quy định. Phần lãnh thổ còn lại phải khoan sâu trên 350m mới có nước sinh hoạt. Nên xem đây có thể là vấn đề cực kì quan trọng ảnh hưởng đến sản xuất, sinh hoạt và dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre nói chung và các vùng ven biển nói riêng.

2.2.6. Thủy văn

a) Thủy triều

Hệ thống sông, rạch, kênh mương toàn tỉnh Bến Tre nói chung và vùng ven biển Bến Tre nói riêng chịu tác động của chế độ bán nhật triều không đều của biển Đông. Do có bốn cửa sông lớn thông trực tiếp ra biển là: cửa Đại, cửa Ba Lai, cửa Hàm Luông và cửa Cổ Chiên nên chịu ảnh hưởng của thủy triều rất mạnh. Biên độ triều tại các cửa sông vào mùa khô từ 3,5 – 3,6m, tốc độ truyền triều khá nhanh, gấp 1,4 – 1,5 lần sông Hậu và gấp 3,0 – 3,2 lần sông Hồng. Tốc độ triều chảy ngược trung bình: 0,80 – 0,95 m/s và tốc độ chảy xuôi lên đến: 1,5 – 1,8 m/s.

b) Nhiễm mặn

Mặt hạn chế do hoạt động triều mang đến là đưa mặn từ biển xâm nhập sâu vào nội địa, gây nhiễm mặn nguồn nước. Độ mặn nước biển Đông tại các cửa sông biến động theo tháng và năm; song khoảng dao động từ 29,0 – 32,7 g/l. Phạm vi ảnh hưởng mặn chiếm đến 3/4 lãnh thổ Tỉnh Bến Tre. Huyện Bình Đại, Ba Tri và Thạnh Phú thuộc vùng nước mặn của tỉnh.

2.3. Thực trạng khai thác du lịch ven biển Tỉnh Bến Tre

2.3.1. Hiện trạng phát triển du lịch Bến Tre

Trong những năm gần đây, Bến Tre nói chung và khu vực ven biển tỉnh Bến Tre nói riêng thu hút được khá đông khách du lịch trong và ngoài nước. Tốc độ tăng bình quân 13,6%/10,04%, vượt 3,6% so với quy hoạch. Năm 2019 lượng khách đến Bến Tre là 1.882.025 lượt, tăng 20% so cùng kì; trong đó khách quốc tế đạt 796.186 lượt, chiếm 42,3%. Doanh thu từ khách du lịch năm 2018 là 1.329 tỉ đồng, năm 2019 là 1.791 tỉ đồng, tăng 34% so cùng kì.

Tổng thu từ khách du lịch: Năm 2018, tổng thu từ hoạt động du lịch đạt 1.329 tỉ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân 23%/20%/năm, vượt 3% so với quy hoạch. Năm 2019, huyện Bình Đại và huyện Ba Tri đón khoảng 70.000 lượt khách, nổi trội là du lịch Thạnh Phú đón trên 500 ngàn lượt khách, tăng gần 100 ngàn lượt so với năm 2018; tổng doanh thu đạt hơn 100 tỉ đồng, tăng gần 40 tỉ đồng so với cùng kì.

Cơ sở lưu trú du lịch: Năm 2018, toàn tỉnh hiện có trên 90 cơ sở lưu trú du lịch với trên 1.600 phòng. Tại huyện Thạnh Phú có 2 khách sạn: Thảo Anh, Au Soo Khoon, 4 nhà nghỉ du lịch: Bảo Ngọc, Vạn Phúc, Hoàng Lang, Minh Hiếu và một Homestay: Chín Sông. Tại huyện Bình Đại có 2 khách sạn: 33, Phương Trang, 2 nhà nghỉ du lịch: Tây Đô, Toàn Mỹ và 2 homestay: Út Trinh và Cồn Bà Tư. Tại Ba Tri có 1 khách sạn tiêu chuẩn 1 sao: Rạng Đông, 1 khách sạn địa phương Happy Garden và homestay Năm Sơn.

Nhà hàng, cơ sở ăn uống: năm 2010 có 60/42 cơ sở, vượt 50% so với quy hoạch, với tổng số 12.550/10.500 ghế, vượt 20% so với quy hoạch; đến năm 2015 có 80/60 cơ sở, vượt 33% so với quy hoạch, với tổng số 19.700/18.000 ghế, vượt 10% so với quy hoạch. Năm 2018, toàn tỉnh hiện có trên 114 cơ sở với trên 32.000 chỗ ngồi.

Doanh nghiệp kinh doanh lữ hành: năm 2008 có 05 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành. Đến nay, toàn tỉnh có 34 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, trong đó có 05 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế.

Lao động trong du lịch: năm 2010 lao động trực tiếp trong ngành du lịch là 4.041/2.755, vượt 47% so với quy hoạch; năm 2015 là 4.780/3.720, vượt 28% so với quy hoạch. Năm 2018, có trên 5.000 lao động trực tiếp trong ngành du lịch, trong đó lao động qua đào tạo, tập huấn về du lịch chiếm 60%..

Năm 2019, 2020, đầu năm 2021 ngành du lịch Việt Nam nói chung và ngành du lịch tỉnh Bến Tre nói riêng bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19 khiến số lượt khách trong và ngoài nước, doanh thu từ ngành du lịch bị giảm sút nặng nề. Tuy nhiên, ngành du lịch cả nước đang từng bước phục hồi hướng tới một thị trường du lịch thân thiện, an toàn thu hút khách du lịch.

2.3.2. Các loại hình du lịch đang được khai thác tại khu vực ven biển

a) Dịch vụ tắm biển

Với chiều dài 65km đường bờ biển, vùng ven biển tỉnh Bến Tre đang khai thác dịch vụ tắm biển thu hút khách du lịch. Mặc dù biển tại Bến Tre không trong do có nhiều phù sa nhưng lại còn rất hoang sơ, môi trường trong lành vẫn giữ được vẻ mộc mạc nên rất hút khách đặc biệt là vào dịp cuối tuần. Các bãi biển đang được khai thác như: Thửa Đức, Thành Trị (Bình Đại), Cồn Nhàn (Ba Tri), Cồn Búng (Thạnh Phú).

b) Du lịch sinh thái ven biển

Với diện tích rừng ngập mặn 3.900 hecta, Bến Tre có hệ sinh thái ven biển đa dạng phong phú, một số nơi đã đưa vào khai thác du lịch. Nổi tiếng nhất là khu du lịch Vàm Hồ tại Huyện Ba Tri. Quần thể sân chim Vàm Hồ gồm: 84 loài thuộc 35 họ và 12 bộ. Vùng đất ngập mặn này có nhiều loại cây hoang dã mọc thành rừng như chà là, đước, mắm. Tới thăm sân chim Vàm Hồ du khách được đi dạo đường rừng, bơi xuống len lỏi trong rừng ngập mặn, tham quan khu căn cứ kháng chiến,... đây là điểm du lịch sinh thái hấp dẫn mới ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

c) Tham quan các công trình - di tích lịch sử ven biển

Từ trước đến nay, Bến Tre không chỉ được biết là xứ sở của loài cây dừa mà còn nổi tiếng là vùng đất giàu truyền thống văn hóa, cách mạng. Chính vì vậy mà ở Bến Tre có một hệ thống di tích khá phong phú và đa dạng chứa đựng nhiều giá trị về văn hóa. Khu vực ven biển tỉnh Bến Tre có nhiều di tích công trình - di tích thu hút khách du lịch như Lăng mộ cụ Nguyễn Đình Chiểu, Khu lưu niệm Đốc Binh Phan Ngọc Tông, Di tích Mộ nhà giáo Võ Trường Toản, Miếu thờ và mộ Lê Quang Quan (Tán Kế), Khu mộ Phan Thanh Giản – vị tiền sĩ đầu tiên của Nam kỳ lục tỉnh tại huyện Ba Tri, di tích Đầu cầu tiếp nhận vũ khí Bắc Nam tại huyện Thạnh Phú,....

d) Du lịch lễ hội

Một trong những lễ hội lớn nhất và tưng bừng nhất ở Bến Tre thu hút khách du lịch là lễ hội Nghinh Ông của ngư dân ven biển. Các huyện Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú đều có lăng Ông. Dịp lễ hội, hàng trăm tàu thuyền đánh bắt cá của huyện, của tỉnh Bến Tre, Tiền Giang, Trà Vinh và các tỉnh có ngư dân đánh bắt trên vùng biển Bến Tre, dù đang hành nghề trên biển vẫn phải quay về tập trung ở Cửa Đại cuối nguồn sông Cửu Long cùng tham gia dự lễ Nghinh Ông.

Lễ gồm các mục: Túc yết; Nghinh Ông; Tế tiền hiền, hậu hiền; lễ Chánh tế và Xây châu đại bội. Vào lễ, các thuyền đánh cá đều chăng đèn, kết hoa rực rỡ. Ở đầu mũi thuyền, chủ nhân bày mâm cúng gồm trái cây, xôi thịt, thường là cặp vịt luộc, chiếc đầu heo cùng với hương hoa.

e) Du lịch ẩm thực biển

Bắt đầu từ năm 2018, hai năm một lần tỉnh Bến Tre tổ chức Tuần lễ Văn hóa Du lịch Ẩm thực biển Thạnh Phú nhằm kích cầu du lịch tỉnh Bến Tre nói chung và du lịch biển tỉnh Bến Tre nói riêng. Thông qua hoạt động này, ngành du lịch tỉnh Bến Tre đã giới thiệu những sản phẩm nông nghiệp, làng nghề truyền thống, hàng lưu niệm, đặc sản địa phương đến với du khách, tạo cơ hội gặp gỡ, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, liên kết giữa các tổ chức kinh doanh du lịch, thương mại trong và ngoài tỉnh. Giới thiệu các món ăn vùng sông nước miền Tây Nam bộ và các món ăn truyền thống được chế biến từ hải sản, đặc sản của huyện Thạnh Phú, bước đầu phát

triển loại hình du lịch ẩm thực biển Bến Tre, thông qua các món ăn đặc sản gắn liền với xứ biển - xứ dừa.

2.4. Định hướng phát triển du lịch ven biển tỉnh Bến Tre dựa vào nền Kinh tế Xanh

2.4.1. Quan điểm phát triển

Đề du lịch tỉnh Bến Tre phát triển nhanh và bền vững, sớm trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị, ngành DL Bến Tre đã đặt mục tiêu: “Phát triển đa dạng các loại hình DL xứ Dừa dựa vào tiềm năng tự nhiên, văn hóa và con người. Phân đấu đến năm 2020, tổng thu từ hoạt động DL tăng 22 - 25%/năm; tổng lượt khách DL tăng 12 - 15%/năm, đưa ngành DL của tỉnh trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; giá trị tăng thêm của ngành DL chiếm 8 - 10% GRDP của tỉnh”.

Phát triển du lịch nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân đấu trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh nhà.

Phát triển du lịch phải đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm phát triển bền vững, không làm ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên, môi trường văn hóa.

Phát triển du lịch gắn với bảo tồn và phát huy các di tích văn hóa vật thể và phi vật thể của tỉnh, phát triển dịch vụ để các di sản văn hóa phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu, tham quan của du khách. Tuy nhiên hạn chế các tác động của hoạt động du lịch làm ảnh hưởng đến môi trường xã hội, thuần phong mỹ tục.

Phát triển du lịch tỉnh Bến Tre nói chung và du lịch biển tỉnh Bến Tre nói riêng phải đặt trong mối quan hệ với sự phát triển du lịch của các tỉnh thành lân cận. Cụ thể như cung đường ven biển Tp.HCM, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu.

2.4.2. Định hướng phát triển du lịch ven biển dựa vào mô hình Kinh tế Xanh

Xây dựng các sản phẩm du lịch ven biển theo 03 loại hình du lịch: Du lịch sinh thái ven biển, du lịch tham quan nghiên cứu văn hóa biển và các di tích văn hóa - lịch sử gắn với biển, du lịch vui chơi - giải trí biển.

Để phát triển loại hình du lịch sinh thái ven biển khuyến khích doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh du lịch xây dựng các sản phẩm cụ thể phục vụ du khách như: tham quan hệ sinh thái rừng ngập mặn, các khu bảo tồn, vườn chim, các tour du lịch chuyên đề: du lịch trải nghiệm trồng cây gây rừng, chèo xuồng trong rừng ngập mặn, mò cua bắt ốc... Thông qua việc khai thác loại hình du lịch này, du khách sẽ được tìm hiểu về tầm quan trọng của hệ sinh thái ven biển, từ đó nâng cao ý thức bảo vệ môi trường ven biển nói riêng và môi trường sống nói chung. Việc khai thác loại hình du lịch này sẽ tăng cường các hoạt động bảo tồn thông qua phí bảo tồn từ vé tham quan và các nguồn đầu tư, góp phần gìn giữ môi trường sinh thái phù hợp với xu hướng Xanh của thế giới.

Xây dựng các nông trường trồng Xanh, ứng dụng công nghệ sạch. Trồng các loại rau củ phù hợp với thổ nhưỡng địa phương. Hạn chế sử dụng phân thuốc hóa học gây hại cho môi trường. Các nông trại này sẽ là điểm thu hút khách du lịch, bên cạnh đó còn cung cấp nguồn nguyên liệu sạch phục vụ cho địa phương và du khách.

Du lịch tham quan nghiên cứu văn hóa biển và các di tích văn hóa - lịch sử gắn với biển tại tỉnh Bến Tre cần được chú trọng vì dọc theo đường bờ biển, tỉnh Bến Tre có rất nhiều đền cá ông (5 đền) gắn với tín ngưỡng thờ cúng cá Ông và lễ hội nghinh ông thu hút được du khách. Văn hóa biển luôn gắn liền với môi trường biển, những truyền thuyết cá Ông hay phần lễ trong các lễ hội đều có tính giáo dục rất cao về tầm quan trọng của môi trường biển. Bên cạnh đó còn có nhiều di tích lịch sử như Bến tàu không số, lăng cụ Nguyễn Đình Chiểu,... hay các làng nghề truyền thống cũng cần được gìn giữ và quảng bá.

Du lịch vui chơi - giải trí biển sẽ là một hướng phát triển không thể thiếu đối với ngành du lịch tỉnh Bến Tre. Các hoạt động vui chơi này có thể gắn liền với các trò chơi dân gian hay nghề đánh bắt của địa phương. Nâng cao vai trò của cộng đồng địa phương trong việc tổ chức các không gian vui chơi - giải trí. Điều này có vai trò rất quan trọng trong việc hướng tới sự phát triển bền vững, chia sẻ lợi ích với người dân địa phương. Quy hoạch các bãi cỏ gần biển để phát triển các loại hình dịch vụ Team building,... không gây ảnh hưởng đến môi trường, thông qua đó giáo dục du khách về tầm quan trọng của môi trường và cộng đồng ven biển.

Về định hướng phát triển, ngành du lịch Bến Tre cần xác định phân khúc khách hàng và tạo ra những sản phẩm phục vụ cho từng nhóm, tránh việc phát triển tự phát chung chung vì biển Bến Tre không có nhiều thế mạnh cạnh tranh như những vùng biển khác như Vũng Tàu, Cần Giờ,... Cần định hướng phát triển sinh thái bao gồm sinh thái tự nhiên lẫn sinh thái văn hóa. Góp phần nâng cao nhận thức của người tham gia vào hoạt động du lịch hiểu được vai trò của Kinh tế Xanh đối với hoạt động du lịch. Cần đẩy mạnh hoạt động quảng bá, tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông giúp sản phẩm du lịch ven biển Bến Tre gắn với du khách.

3. Kết luận

Du lịch ven biển là một xu hướng hiện đang phát triển nhanh chóng, tùy vào lợi thế từng địa phương mà sẽ có những định hướng phát triển mang nét đặc trưng riêng. Bến Tre cần lựa chọn loại hình du lịch ven biển gắn với mô hình Kinh tế Xanh chú trọng vào môi trường sinh thái vì những lợi thế đặc trưng của mình. Việc lựa chọn mô hình Kinh tế Xanh không những giúp du lịch ven biển Bến Tre tạo ra sự khác biệt so với khu vực xung quanh mà còn đảm bảo mối quan hệ giữa bảo tồn tài nguyên tự nhiên, tài nguyên văn hóa môi trường và lợi ích kinh tế, xã hội, không làm ảnh hưởng đến nhu cầu của thế hệ tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Sharif, C.S. 2012. *Kebijakan Ekonomi Kelautan dengan Model Ekonomi Biru*. Jakarta. Dewan Kelautan Indonesia.
- [2] Evgeniya, A. & Elena, B. & Maria, B. & Veronkia. P. 2019. “Green Economy as a Direction of Sustainable Development of Coastal Areas”. Conference: Proceedings of the 5th *International Conference on Economics, Management, Law and Education (EMLE 2019)*.
- [3] Marilena, P. 2016. Coastal and marine tourism: A challenging factor in Marine Spatial Planning. *Ocean & Coastal Management*, Vol.129, pp.44-48.
- [4] Nguyễn Thị Quỳnh Hương & Nguyễn Thị Vân Chi. 2020. “Kinh tế Xanh và thực tiễn tại Việt Nam”. *Tạp chí Tài Chính*, tr.63-65.
- [5] Nguyễn Thị Thu Hà. 2018. *Phát triển Kinh tế Xanh của Hàn Quốc và bài học cho Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ Kinh tế. Chuyên ngành Kinh tế Quốc tế. Học viện Khoa học Xã hội.
- [6] Đặng Thị Bồng. 2018. *Kinh nghiệm phát triển Kinh tế Xanh của Trung Quốc và bài học cho Việt Nam*. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và đầu tư.
- [7] Kurniawan, F. & Adrianto, L. & Bengen, D. G. & Prasetyo, L. B. 2016. “Vulnerability assessment of small islands to tourism: The case of the Marine Tourism Park of the Gili Matra Islands, Indonesia”. *Global Ecology and Conservation*, 6, 308-326.
- [8] Thạch Phương & Đoàn Tứ. 2001. *Địa chí Bến Tre*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [9] Trần Văn Thông. 2003. *Tổng Quan du lịch*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

ABSTRACT

Developing coastal tourism in Ben Tre province based on Green economy model

Le Van Tan* and Chung Le Khang

¹ *Faculty of Vietnamese Studies, Academy of Social Sciences*

² *Vietnamese studies subject, Faculty of Philology, Ho Chi Minh City University of Education*

In this article, the authors based on the theory of the Green Economy model to provide an overview of resources and the current situation of coastal tourism development in Ben Tre province. The strengths can be mentioned such as climate, topography, mangrove ecosystem. Besides, there are also limitations on the quality of beaches and underground water sources. From there, the author gives orientation to build coastal tourism products in 03 groups: coastal eco-tourism; tourism to study marine culture and cultural - historical relics associated with the sea; Sea tourism - entertainment in line with the Green trend of the world.

Key words: Coastal tourism, Green Economy, Ben Tre.